

CHƯƠNG TRÌNH KHXXH - 02

ĐỀ TÀI KHXXH - 02 - 02

BÁO CÁO TỔNG HỢP

TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ:
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU
LỰA CHỌN TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Đình Thiên

HÀ NỘI, 2-2002

6502

Công trình đề tài này được thực hiện với sự tham gia và đóng góp của các nhà khoa học và chuyên gia sau:

TS. Trần Đình Thiên, Viện Kinh tế học, Trung tâm KHXH & NVQG, Chủ nhiệm Đề tài.
TS. Nguyễn Xuân Thu, Viện Chiến lược Phát triển, Phó Chủ nhiệm Đề tài.
TS. Cù Chí Lợi, Viện Kinh tế học, Trung tâm KHXH & NVQG, Thư ký Đề tài.
TSKH. Trịnh Huy Quách, Văn phòng Quốc hội.
TS. Trần Kim Hào, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
TS. Nguyễn Anh Tuấn, Học viện Quan hệ Quốc tế, Bộ Ngoại giao.
TS. Dương Bá Phương, Trung tâm KHXH & NVQG.
TS. Lê Bộ Lĩnh, Viện Kinh tế Thế giới, Trung tâm KHXH & NVQG.
TS. Lưu Ngọc Trinh, Viện Kinh tế Thế giới, Trung tâm KHXH & NVQG.
TS. Nguyễn Xuân Nguyên, Văn phòng Trung ương Đảng.
TS. Phạm Thị Nga, Viện Kinh tế học, Trung tâm KHXH & NVQG.
TS. Đỗ Tiến Sâm, Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, Trung tâm KHXH & NVQG.

Để hoàn thành công trình này, còn có sự đóng góp của các cộng sự nhóm và cá nhân ở Viện Kinh tế học, Trung tâm KHXH & NVQG; Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Quốc hội.

Những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học khác đã gợi mở rất nhiều vấn đề có giá trị cho việc định hướng và nâng cao chất lượng của công trình. Đó là PGS.TS. Đỗ Hoài Nam; GS. TSKH. Vũ Hy Chương; PGS.TS. Phí Mạnh Hồng; TS. Đặng Kim Sơn; PGS.TS. Nguyễn Văn Nam; TS. Lê Xuân Nghĩa; TS. Võ Trí Thành; TS. Vũ Quốc Huy; TS. Bùi Tất Thắng và nhiều người khác.

Sự hỗ trợ trong việc cung cấp tư liệu, tài liệu nghiên cứu từ Phòng Tư liệu - Thư viện của Viện Kinh tế học, từ các cá nhân các nhà khoa học có vai trò to lớn trong quá trình thực hiện đề tài.

Ban Chủ nhiệm Đề tài KHXH - 02 - 02 xin trân trọng cảm ơn về những đóng góp của mọi tổ chức và cá nhân để Đề tài có được kết quả này.

Chủ nhiệm Đề tài



TS. Trần Đình Thiên

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	1
Chương I QUAN HỆ GIỮA ĐIỂM XUẤT PHÁT VÀ MỤC TIÊU CỦA TIẾN TRÌNH CNH, HDH: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ THUYẾT VÀ KINH NGHIỆM	6
I.1. Quan hệ giữa điểm xuất phát và mục tiêu của tiến trình CNH, HDH	6
I.2. Nguyên tắc tiếp cận đến mô hình và chiến lược CNH, HDH	11
Chương II ĐIỂM XUẤT PHÁT NỘI TẠI CỦA QUÁ TRÌNH CNH, HDH GIAI ĐOẠN 2001-2020	16
II.1. Nền tảng kinh tế vĩ mô chung của tiến trình CNH, HDH giai đoạn tới	16
II.2. Trạng thái cơ cấu xuất phát của tiến trình CNH, HDH giai đoạn tới	23
Chương III BỐI CẢNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ KHẢ NĂNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN QUÁ TRÌNH CNH, HDH CỦA NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN TỚI	45
III.1. Một số xu hướng kinh tế toàn cầu chủ yếu trong giai đoạn tới và khả năng tác động của chúng đến quá trình CNH, HDH của nước ta	45
III.1.1. Xu hướng phát triển nền kinh tế tri thức và sự thay đổi các điều kiện vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế hiện đại	46
III.1.2. Toàn cầu hoá kinh tế và sự hình thành mạng kinh tế toàn cầu	50
III.1.3 Tốc độ biến đổi nhanh của các quá trình kinh tế	63
III.1.4. Một số xu hướng và yếu tố khác của bối cảnh kinh tế quốc tế giai đoạn tới	68
III.2. Khái quát điểm xuất phát nội tại và bối cảnh quốc tế của quá trình CNH, HDH ở nước ta trong giai đoạn 2001 - 2020	78

Chương IV	
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU CNH, HDH TRONG GIAI ĐOẠN 2001 - 2020	83
IV.1. Một số điều kiện trực tiếp quy định phương hướng, mục tiêu CNH, HDH trong giai đoạn tới	84
IV.2. Phương hướng, mục tiêu CNH, HDH đến năm 2020	87
IV.3. Mục tiêu, phương hướng CNH, HDH đến năm 2010	98
IV.4. Phương hướng, mục tiêu CNH, HDH giai đoạn 2001-2005	109
Chương V	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU CNH, HDH THEO TỪNG GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020	115
V.1. Một số giải pháp cơ cấu chính của quá trình CNH, HDH đến năm 2020	116
V.2. Một số giải pháp thể chế chủ yếu để tiến hành CNH, HDH đến năm 2020	124
V.3. Một số giải pháp CNH, HDH giai đoạn 2001 - 2005	129
KẾT LUẬN	135
THƯ MỤC	137

LỜI NÓI ĐẦU

Thực chất của việc xác định bước đi của quá trình CNH, HĐH là đưa ra một kịch bản tiến hành CNH, HĐH được coi là tối ưu và khả thi trong số hàng loạt kịch bản khác nhau. Đây thực sự là một trong những vấn đề phức tạp nhất trong hệ vấn đề về CNH, HĐH.

Sự phức tạp đó bắt nguồn từ tình huống tiến trình CNH, HĐH là bài toán nhiều biến số. Các biến số này vốn là những yếu tố, điều kiện phát triển cụ thể. Do đó, chúng rất "động", thường xuyên thay đổi và theo những hướng khác nhau. Trong quá trình giải bài toán nêu trên, chỉ một biến số thay đổi theo một cách nào đó sẽ tác động đến tất cả các biến số khác, tạo ra một tổ hợp biến số mới (bài toán mới) với đòi hỏi một đáp số (kịch bản phát triển tối ưu) tương ứng. Như vậy, theo nguyên tắc dự báo, sẽ có rất nhiều kịch bản có thể được thiết lập. Đặt trong bối cảnh quốc tế hiện đại, khi các quá trình kinh tế - chính trị - quân sự toàn cầu diễn ra với tốc độ ngày càng cao, tính bất định của các biến cố tăng lên, làm cho các điều kiện, hoàn cảnh ngày càng vượt ra ngoài phạm vi và khả năng kiểm soát của các chủ thể phát triển (nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân) thì việc giải bài toán này càng trở nên khó khăn gấp bội.

Đối với nước ta hiện nay, vấn đề này còn phức tạp hơn vì một số lý do đặc thù.

Thứ nhất, các yếu tố bên ngoài (điều kiện quốc tế). Đây là loại yếu tố có phạm vi rộng, độ biến động lớn, đang diễn ra theo những xu hướng khó dự báo trước nhưng lại có ảnh hưởng chi phối ngày càng mạnh, càng có tính quyết định đến các quá trình kinh tế của từng quốc gia. Đặc biệt, đối với nước ta, sự yếu kém của tiềm lực vật chất, của năng lực tổng hợp, phân tích thông tin làm cho việc nắm bắt, khả năng tác động, kiểm soát và chi phối các yếu tố này hết sức khó khăn.

Có thể nêu một số yếu tố chính đang bộc lộ ngày càng rõ do mức độ tác động đến nền kinh tế nước ta tăng mạnh trong thời gian gần đây.

+ Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế với những đặc trưng mới về chất (tốc độ, cơ cấu, tính chất, phạm vi). Về thực chất, xu hướng này gắn với bước chuyển, cũng là nội dung của bước chuyển đó, từ cái gọi là nền kinh tế - công nghiệp - ống khói sang nền kinh tế - thông tin - trí tuệ.

+ Những đòi hỏi phải hình thành các thể chế kinh tế quốc tế mới tương ứng với xu hướng nói trên mà biểu hiện tập trung của nó là xây dựng luật "chơi" kinh tế toàn cầu mới.

Điều đáng lưu ý là cả hai loại yếu tố này đều vận động trong một quỹ đạo chung là tự do hoá kinh tế, mở cửa và hội nhập. Các nền kinh tế chậm phát triển bị cuốn vào quỹ đạo này với một sức mạnh không cưỡng lại được. Trong khi đó, lực lượng chủ đạo chi phối xu hướng lại là các nền kinh tế phát triển. Bên cạnh việc mở ra hàng loạt cơ hội phát triển to lớn, sự khống chế tiềm lực công nghệ - sức mạnh chủ chốt của nền kinh tế hiện đại - và vai trò ấn định luật "chơi" của các nền kinh tế phát triển đặt các nền kinh tế kém phát triển trước những thách thức gay

gắt. Bản chất của thách thức là ở chỗ cơ hội chỉ là tiềm năng, còn thách thức thì mang tính hiện thực trực tiếp và thiếu các điều kiện để chủ động giải quyết. Việt nam không phải là ngoại lệ của tình huống này.

+ Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á tạo ra một bối cảnh phát triển toàn cầu và khu vực rất mới và đầy thách thức, không chỉ trong ngắn hạn mà còn về lâu dài; không chỉ ở khía cạnh tăng trưởng mà quan trọng không kém là về mô hình phát triển kinh tế đối với nước ta. Sau khủng hoảng, tình huống cạnh tranh quốc tế củ Việt nam trở nên căng thẳng hơn trước rất nhiều. Hai yếu tố chủ yếu tạo nên tình huống đó là sức cạnh tranh to lớn của nền kinh tế Trung Quốc và "mặt bằng" cạnh tranh mới cao hơn trong khu vực sau khủng hoảng trong khi nền kinh tế nước ta chậm có những thay đổi thích nghi tương xứng.

+ Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang đẩy nhanh và tạo ra những áp lực lớn về thời gian. Thời điểm thực hiện đầy đủ quy chế của AFTA đang rút ngắn từng ngày, triển vọng ký hiệp định thương mại Việt - Mỹ và gia nhập WTO mang tính hiện thực cao, v.v. đặt nền kinh tế nước ta đứng trước những nhiệm vụ không chỉ đơn thuần là nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm mà còn là thay đổi cơ cấu thể chế cho phù hợp với luật chơi chung của khu vực và thế giới. Hai nhiệm vụ này thật sự không dễ giải quyết trong điều kiện nước ta - khi xuất phát điểm cơ bản của nó vẫn là một nền kinh tế nông dân lạc hậu. Điểm cần nhấn mạnh ở đây là khả năng tự biến đổi thể chế của nền kinh tế nông dân vốn là rất chậm. Đây là điểm cực kỳ xung yếu" của nền kinh tế trong khuôn cảnh môi trường quốc tế đang biến đổi hết sức nhanh chóng.

Thứ hai, các yếu tố bên trong.

Mặc dù nền kinh tế nước ta đã thay đổi mạnh mẽ kể từ năm 1986, song thực tế gần đây cho thấy về căn bản, thời kỳ dễ dàng nhất của quá trình chuyển đổi đã qua. Tiềm năng tăng trưởng nhanh được chuẩn bị sẵn đã được khai thác khá triệt để trong giai đoạn vừa qua, song lại chưa được tích cực bồi dưỡng, bổ sung chuẩn bị cho giai đoạn tới. Những khó khăn bộc lộ gần đây - sức cạnh tranh chậm được cải thiện, tốc độ tăng trưởng suy giảm ở rất nhiều chỉ tiêu chính (sản lượng, xuất - nhập khẩu, thu hút vốn đầu tư, sức mua thị trường, v.v.), hiệu quả hoạt động thấp của khu vực doanh nghiệp nhà nước, khu vực tư nhân yếu kém, v.v. chứng tỏ điều đó. Mặc dù rằng những khó khăn đó một phần quan trọng bắt nguồn từ các nguyên nhân bên ngoài, song, một cách khách quan, không thể phủ nhận rằng căn gốc chính của vấn đề là ở các yếu tố nội tại của nền kinh tế.

Có thể nêu ba yếu tố được coi là nổi bật nhất:

+ Môi trường kinh doanh vẫn mang nặng tính phân biệt đối xử. Sự tồn tại của một sân chơi không "phẳng" không chỉ hạn chế khả năng phát huy hiệu quả của từng thành tố cục bộ mà quan trọng hơn, trên phạm vi vĩ mô, nó không tạo nền tảng cho sự phối hợp để tạo ra sức mạnh "cộng hưởng" và kích thích phát triển tổng thể, không huy động và sử dụng tốt các nguồn lực sẵn có của đất nước.

+ Sự yếu kém của khu vực thể chế. Sau hơn 10 năm đổi mới, có thể nói đến sự chậm trễ trong việc nâng cao năng lực phối hợp chính sách - từ khâu hoạch định cho đến khâu triển khai và giám sát thực hiện - trong lĩnh vực điều tiết vĩ mô và quản lý phát triển.

Trục chủ yếu của hệ vấn đề tổng quát này là quan hệ giữa nhà nước và thị trường, giữa nhà nước và doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Thực tế cho thấy so với các yêu cầu đặt ra, trong hoàn cảnh tốc độ của tiến trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế không hoàn toàn do chúng ta chủ động, tốc độ biến đổi thể chế này là rất chậm. Nó chưa hoàn toàn đáp ứng logic bước đi của một quá trình hai mặt: CNH, HĐH và chuyển sang kinh tế thị trường trong các điều kiện hiện đại.

+ Khuynh hướng chuyển dịch cơ cấu ngành về thay thế nhập khẩu kém hiệu quả. Trạng thái cơ cấu hiện nay của nền kinh tế thực sự có nhiều điểm rất đáng lo ngại. Với cơ cấu này, có cơ sở để nói đến nguy cơ cố định hoá mô hình phát triển theo khuynh hướng thay thế nhập khẩu¹. Ngoài ra, như diễn biến thị trường (cả trong nước lẫn quốc tế) gần đây cho thấy, xét theo các tiêu chí thông thường của kinh tế học, có thể nói đây là một cơ cấu kém hiệu quả, không có khả năng bảo đảm cải thiện sức cạnh tranh quốc tế của các doanh nghiệp Việt nam. Tác động lâu dài của một trạng thái cơ cấu nhấn mạnh mức độ gay gắt của vấn đề đặt ra.

Tổ hợp ba yếu tố nội tại trên, có thể đề cập đến khả năng đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH còn thấp của chính sách công nghiệp hiện hành.

Ngoài các yếu tố mang tính khách quan - thực tiễn trên, không thể không đề cập đến tình trạng lý luận về vấn đề bước đi của CNH, HĐH ở nước ta. Cho đến nay, đã có không ít công trình nghiên cứu quá trình CNH, HĐH của Việt nam (xem thư mục tài liệu tham khảo). Các công trình này nhìn chung đều đề cập đến vấn đề bước đi của tiến trình CNH, HĐH. Hai đặc điểm nổi bật của sự đề cập này là i) mức độ và cách tiếp cận vấn đề trong các công trình là khác nhau; ii) có một điểm chung nổi bật là đề cập đến vấn đề bước đi của CNH, HĐH chủ yếu từ góc độ chuyển dịch cơ cấu ngành trong khi một khía cạnh quan trọng khác là tiến trình thể chế (nói đích xác hơn là bước đi của quá trình biến đổi thể chế kinh tế) trong quá trình CNH, HĐH lại tương đối ít được khảo cứu một cách hệ thống. Hai đặc điểm này tạo nên một số khoảng "trống" trong nghiên cứu lý luận về bước đi của CNH, HĐH ở Việt nam. Đó là chưa kể đến tình huống vi lý do khách quan lịch sử, hầu như các công trình hiện có đều không (chưa) thể dự kiến và "nạp" vào những diễn biến kinh tế thế giới gần đây vào sơ đồ phân tích như là cơ sở quan trọng hàng đầu.

Đại hội Đảng VIII (1996) đã xác định các mục tiêu chính của quá trình CNH, HĐH cho khoảng thời gian vài chục năm (đến năm 2020) ở nước ta. Tuy nhiên, đây chỉ là những mục tiêu tổng quát, nghiêng về phía định tính nhiều hơn là xác định các tương quan cơ cấu cụ thể. Thiết

¹ Sở dĩ nói đến nguy cơ cố định hoá thành một mô hình phát triển là vì khả năng phát huy tác dụng của một trạng thái cơ cấu gắn liền với thời gian tồn tại lâu dài của các dự án đầu tư (thường là mấy chục năm). Cơ cấu kinh tế của Việt nam hiện nay, đặc biệt là cơ cấu công nghiệp, về căn bản, là kết quả của các dự án đầu tư thực hiện trong thời gian đổi mới.

kế một lộ trình CNH, HĐH với các bước đi cụ thể về cơ cấu và thể chế là nhiệm vụ cho đến nay vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Căn cứ vào các xu hướng kinh tế nội tại hiện nay cũng như sự thay đổi mạnh mẽ của các yếu tố bên ngoài, có thể dễ dàng nhận thấy mức độ bức bách cao của yêu cầu nghiên cứu, xem xét lại các mối quan hệ giữa mục tiêu, các điều kiện và giải pháp thực hiện CNH, HĐH. Điều đó có nghĩa là phải tính toán lại cụ thể hơn các bước đi của quá trình. Trên thực tế, đã xuất hiện yêu cầu điều chỉnh lại các quan hệ cơ cấu và bước đi của tiến trình CNH, HĐH đất nước cho phù hợp với hoàn cảnh phát triển mới. Đây là nhiệm vụ mới đặt ra cho việc nghiên cứu quá trình CNH, HĐH gần đây (trong vòng chưa đầy 2 năm).

Toàn bộ các lập luận nêu trên chứa đựng hàm ý rằng việc thực hiện đề tài "Tiến trình CNH, HĐH - phương hướng và mục tiêu lựa chọn trong từng giai đoạn" cần được điều chỉnh theo yêu cầu trên so với những gì đã xác định trong bản đề cương được thiết kế và phê duyệt cách đây gần 3 năm (tháng 2/1997).

Về nguyên tắc, sự thay đổi, điều chỉnh này vẫn bảo đảm thực hiện đúng yêu cầu trọng tâm của đề tài là xác định phương hướng, mục tiêu CNH, HĐH trong từng giai đoạn dự kiến cho đến khoảng năm 2020. Thực chất của việc điều chỉnh gồm: i) điều chỉnh cơ cấu các nội dung khoa học đã được thể hiện trong đề cương vốn có; ii) bổ sung thêm một số nội dung mới cho phù hợp với diễn biến tình hình.

Phạm vi vấn đề được giải quyết trong đề tài không dừng lại ở các quan hệ cơ cấu (ngành, vùng) trong quá trình chuyển dịch. Khía cạnh thể chế (bước đi của quá trình thể chế) của CNH, HĐH được coi là một nội dung quan trọng của đề tài. Tuy nhiên, trong quan hệ với các đề tài khác của Chương trình, đặc biệt là đề tài KHXH - 02 - 06/07, để không tạo ra sự chồng chéo nghiên cứu không cần thiết, khía cạnh này chỉ được đề cập đến trong một chừng mực thích hợp. Trọng tâm nghiên cứu của đề tài KHXH-02-02 là bước đi của quá trình chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế. Đồng thời, trục chính của sự khảo cứu là cơ cấu ngành; còn các khía cạnh cơ cấu khác (vùng, thành phần) chỉ được phân tích như là những biến số bổ sung.

Về phương diện cơ cấu ngành, đề tài không đặt ra mục tiêu thiết kế cụ thể và chi tiết các tương quan cơ cấu trong quá trình biến đổi. Trên thực tế, đây là nhiệm vụ hầu như không thể giải quyết được do tính khó dự đoán của tình hình đang thay đổi ngày càng nhanh và bất thường. Định hướng của đề tài là cố gắng vạch ra các phương hướng và mục tiêu khái quát. Còn sự hình thành một trạng thái cơ cấu cụ thể - đó là kết quả của sự lựa chọn hướng hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp dưới tác động của thị trường.

Trong công trình đề tài, kinh nghiệm quốc tế giải quyết các vấn đề của quá trình CNH không được đề cập trong một chương hay một phần riêng biệt. Các bài học và những gợi ý được rút ra theo từng vấn đề cụ thể và lồng ghép vào các chương, phù hợp với yêu cầu mà thực tiễn CNH, HĐH của Việt nam đòi hỏi phải xử lý.

Theo nguyên tắc tiếp cận như vậy, Báo cáo Tổng hợp của Đề tài KHXH - 02 - 02 bao gồm các nội dung chính được thể hiện trong 5 chương.

Chương I: Quan hệ giữa điểm xuất phát và mục tiêu của tiến trình CNH, HĐH. Lý thuyết, kinh nghiệm và vấn đề của Việt nam

Chương II: Điểm xuất phát nội tại của quá trình CNH, HĐH giai đoạn 2001 - 2020.

Chương III: Bối cảnh kinh tế quốc tế và tác động của nó đến quá trình CNH, HĐH của nước ta trong giai đoạn 2001 - 2020.

Chương IV. Phương hướng, mục tiêu CNH, HĐH theo từng bước đi trong giai đoạn 2001 - 2020

Chương IV: Một số vấn đề về giải pháp thực hiện phương hướng và mục tiêu CNH, HĐH theo từng giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2020.

CHƯƠNG I

QUAN HỆ GIỮA ĐIỂM XUẤT PHÁT VÀ MỤC TIÊU CỦA TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÝ THUYẾT VÀ KINH NGHIỆM

I.1. QUAN HỆ GIỮA ĐIỂM XUẤT PHÁT VÀ MỤC TIÊU CỦA TIẾN TRÌNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Tiến trình CNH, HĐH là một quá trình chuyển biến nền kinh tế mang đặc trưng nông nghiệp cổ truyền lạc hậu (điểm xuất phát tổng thể) là chính sang nền kinh tế có xương sống là hệ thống công nghiệp - dịch vụ hiện đại (mục tiêu - điểm đích cuối cùng tổng quát). Giữa hai trạng thái đó là các quá trình cụ thể, diễn ra theo một trật tự logic nào đó về bước đi và phải tuân thủ các nguyên tắc.

Cách hình dung khái quát như vậy về tiến trình CNH, HĐH cần được cụ thể hoá bằng hàng loạt tiêu chuẩn cụ thể. Trong quan hệ giữa điểm xuất phát và đích đến, việc xác định các tiêu chuẩn cụ thể này phải đặt trên nguyên tắc có thể so sánh được (để có thể nhận diện cái gì thay thế cái gì) và mang tính tổ hợp. Việc làm rõ các mối quan hệ đó là cơ sở để định vị bước đi (xác định các mục tiêu trung hạn và logic đạt tới mục tiêu).

Nhưng đó chỉ mới là mặt khách quan của quá trình CNH, HĐH. Cần phải nhìn nhận tiến trình này cả về mặt chủ quan, từ góc độ một chiến lược phát triển kinh tế tổng thể. Lập luận ở đây là: với một trạng thái xuất phát nhất định, một logic phát triển kinh tế xác định, trong những hoàn cảnh khách quan nhất định, các mục tiêu của quá trình có thể đạt tới trong cùng một quãng thời gian dự tính là khác nhau, tùy thuộc vào mức độ tối ưu của chiến lược phát triển được lựa chọn (tức là tùy thuộc vào năng lực lựa chọn chiến lược của các chủ thể phát triển - Chính phủ và các doanh nghiệp) cũng như nỗ lực phát triển thực tế từ các yếu tố chủ quan.

Như vậy, giữa tiến trình khách quan của CNH, HĐH và chiến lược thực hiện CNH, HĐH có mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau. Về nguyên tắc, mục tiêu chiến lược (mục tiêu được dự định) không thể trái ngược với điểm đích khách quan của quá trình. Đồng thời, logic các mục tiêu đó phải phản ánh được logic của tiến trình khách quan (phương hướng, xu thế phát triển chủ đạo) và các giải pháp chiến lược tổng quát của quá trình phát triển đất nước trong khoảng 20-25 năm. Về thực chất, nó bao hàm nội dung của một chiến lược phát triển dài hạn với những mốc phát triển chính.

Với hai đặc trưng nêu trên, có thể xác định phạm vi của chủ đề nghiên cứu bước đi của tiến trình CNH, HĐH theo sơ đồ dưới đây.